TRƯỜNG THCS-THPT NGÔ MÂY
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I; NĂM HỌC 2026 - 2027
Môn: TOÁN; Lớp: 11
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề: 1101

Họ, tên thí sinh:……Lớp:..... Phòng:……Số báo danh: .....

Đề

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Góc có số đo $\frac{2\pi}{3}$ rad khi đổi sang đơn vị độ bằng:

A. 60°. **B.** 150°. **C.** 90°. **D.** 120°.

Câu 2. Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số chẵn?

A. $y=\tan x$. **B.** $y=\cot x$. **C.** $y=\cos x$. **D.** $y=\sin x$.

Câu 3. Với mọi góc lượng giác α, đẳng thức nào sau đây đúng?

A. $\cos(\pi-\alpha)=-\cos\alpha$. **B.** $\cot(\pi-\alpha)=\cot\alpha$. **C.** $\sin(\pi-\alpha)=-\sin\alpha$. **D.** $\tan(\pi-\alpha)=\tan\alpha$.

Câu 4. Dãy số nào sau đây không phải là cấp số nhân?

A. $1;2;4;8;\ldots$ **B.** $\frac{1}{\pi};\frac{1}{\pi^2};\frac{1}{\pi^4};\frac{1}{\pi^6};\ldots$ **C.** $4;2;1;\frac{1}{2};\ldots$ **D.** $3;3^2;3^3;3^4;\ldots$

Câu 5. Cho dãy số (u_n) thỏa mãn $u_n=\frac{2^{n-1}+1}{n}$. Tìm số hạng thứ 4 của dãy số đã cho.

A. $2,52$. **B.** $2,25$. **C.** $5,25$. **D.** $5,52$.

Câu 6. Cho bảng tần số ghép nhóm về thời gian tự học (giờ/tuần) của 40 học sinh:

Thời gian (giờ)	$[5;10)$	$[10;15)$	$[15;20)$	$[20;25)$
Số học sinh	6	18	12	4

Nhóm có tần số lớn nhất là:

A. $[5;10)$. **B.** $[10;15)$. **C.** $[15;20)$. **D.** $[20;25)$.

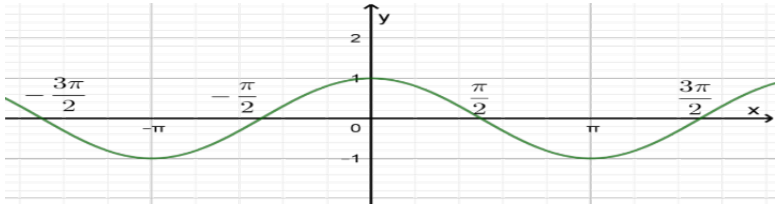
Câu 7. Cho góc hình học $u\hat{O}v=45^\circ$. Số đo của các góc lượng giác (Ou,Ov) có tia đầu Ou và tia cuối Ov được xác định bởi công thức nào sau đây?

A. $45^\circ+k720^\circ(k\in\mathbb{Z})$. **B.** $45^\circ+k180^\circ(k\in\mathbb{Z})$.
C. $45^\circ+k360^\circ(k\in\mathbb{Z})$. **D.** $-45^\circ+k360^\circ(k\in\mathbb{Z})$.

Câu 8. Cho cấp số cộng (u_n) thỏa mãn $u_1=4$, $u_2=1$. Công sai của cấp số cộng bằng

A. -6. **B.** 3. **C.** 6. **D.** -3.

Câu 9. Cho đồ thị hàm số $f(x)$ như hình vẽ dưới đây. Hỏi đồ thị hàm số $f(x)$ là đồ thị hàm số nào sau đây:



A. $y=\tan x$. **B.** $y=\cos x$. **C.** $y=\cot x$. **D.** $y=\sin x$.

Câu 10. Bảng sau ghi lại thời gian tự học (giờ/ngày) của 20 học sinh trong lớp 11C Trường THPT A:

Thời gian (giờ)	$[1;3)$	$[3;5)$	$[5;7)$

Số học sinh	5	10	5

Số trung bình của mẫu số liệu ghép nhóm trên là:

A. 5. **B.** 4. **C.** $3,5$. **D.** $4,5$.

Câu 11. Chu kỳ tuần hoàn của hàm số $y=\tan x$ là:

A. $T=2\pi$. **B.** $T=\pi$. **C.** $T=\frac{\pi}{2}$. **D.** $T=4\pi$.

Câu 12. Cho dãy số (u_n) với $u_n=2n-1$. Dãy số (u_n) là dãy số

A. Bị chặn dưới bởi 2. **B.** Bị chặn trên bởi 1. **C.** Giảm. **D.** Tăng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho hàm số $f(x)=-2\cos 2x+3$.

a) Giá trị lớn nhất của hàm số $f(x)$ bằng 5 và giá trị nhỏ nhất của hàm số $f(x)$ bằng 1.

b) Hàm số $f(x)$ là hàm số lẻ.

c) Tập xác định của hàm số là $D=R$.

d) Chu kỳ tuần hoàn của hàm số $f(x)$ là $T=\pi$.

Câu 2. Cho dãy (u_n) là một cấp số nhân với số hạng đầu $u_1=2$ và công bội $q=3$.

a) Tính $S_{10}=21570$.

b) Tìm số hạng $u_8=4374$.

c) Dãy số đã cho là dãy số giảm.

d) Tìm $u_2=6$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Cho dãy số (u_n) thỏa mãn $u_n=\frac{2n-1}{n+3}$. Tìm số hạng thứ 5 của dãy số đã cho (làm tròn đến hàng phần chục).

Câu 2. Biết $\cos x=-1$ (m là số thực). Tính giá trị của một biểu thức $P=3\cos^2 x+2$.

Câu 3. Biết tập giá trị của hàm số $y=2\cos 3x+1$ là $T=[a;b]$. Tính giá trị của biểu thức $5a-3b$.

Câu 4. Bảng sau thống kê tuổi thọ (năm) của 40 thiết bị điện tử:

Tuổi thọ (năm)	$[2;4)$	$[4;6)$	$[6;8)$
Số thiết bị	10	20	10

Tính trung vị M_e của mẫu số liệu ghép nhóm trên.

PHẦN IV. Tự luận. Thí sinh trình bày lời giải từ câu 1 đến câu 3.

Câu 1. Giải các phương trình sau:

a) $\sin x=\frac{1}{2}$. b) $\sqrt{2}\sin 2x=2\cos x$.

Câu 2. Một nhà thi đấu có 20 hàng ghế dành cho khán giả. Hàng thứ nhất có 20 ghế, hàng thứ hai có 21 ghế, hàng thứ ba có 22 ghế, ... Cứ như thế, số ghế ở hàng sau nhiều hơn số ghế ở hàng trước là 1 ghế. Trong một giải thi đấu, ban tổ chức đã bán được hết số vé phát ra và số tiền thu được từ bán vé là 70800000 đồng. Tính giá tiền của mỗi vé (đơn vị: đồng), biết số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu và các vé là đồng giá.

Câu 3. Cho góc lượng giác α thỏa mãn $\cos\alpha=\frac{3}{5}$ và $0<\alpha<\frac{\pi}{2}$. Tính $\sin 2\alpha;\cos 2\alpha$.

------ HẾT ------

TRƯỜNG THCS-THPT NGÔ MÂY
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I; NĂM HỌC 2026 - 2027
Môn: TOÁN; Lớp: 11
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề: 1102

Họ, tên thí sinh:……Lớp:..... Phòng:……Số báo danh: .....

Đề

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

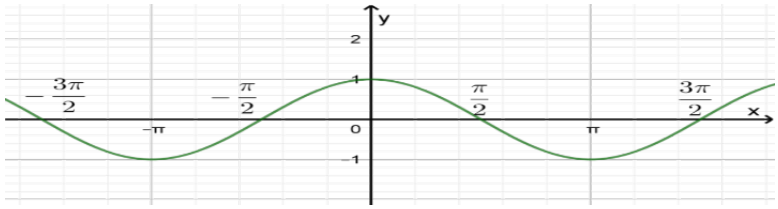
Câu 1. Cho bảng tần số ghép nhóm về thời gian tự học (giờ/tuần) của 40 học sinh:

Thời gian (giờ)	$[5;10)$	$[10;15)$	$[15;20)$	$[20;25)$
Số học sinh	6	18	12	4

Nhóm có tần số lớn nhất là:

A. $[5;10)$. **B.** $[20;25)$. **C.** $[15;20)$. **D.** $[10;15)$.

Câu 2. Cho đồ thị hàm số $f(x)$ như hình vẽ dưới đây. Hỏi đồ thị hàm số $f(x)$ là đồ thị hàm số nào sau đây:



A. $y=\sin x$. **B.** $y=\cos x$. **C.** $y=\cot x$. **D.** $y=\tan x$.

Câu 3. Cho dãy số (u_n) thỏa mãn $u_n=\frac{2^{n-1}+1}{n}$. Tìm số hạng thứ 4 của dãy số đã cho.

A. $5,52$. **B.** $2,25$. **C.** $5,25$. **D.** $2,52$.

Câu 4. Chu kỳ tuần hoàn của hàm số $y=\tan x$ là:

A. $T=2\pi$. **B.** $T=4\pi$. **C.** $T=\frac{\pi}{2}$. **D.** $T=\pi$.

Câu 5. Với mọi góc lượng giác α, đẳng thức nào sau đây đúng?

A. $\cot(\pi-\alpha)=\cot\alpha$. **B.** $\sin(\pi-\alpha)=-\sin\alpha$.
C. $\tan(\pi-\alpha)=\tan\alpha$. **D.** $\cos(\pi-\alpha)=-\cos\alpha$.

Câu 6. Góc có số đo $\frac{2\pi}{3}$ rad khi đổi sang đơn vị độ bằng:

A. 60°. **B.** 90°. **C.** 150°. **D.** 120°.

Câu 7. Trong các hàm số sau, hàm số nào là hàm số chẵn?

A. $y=\sin x$. **B.** $y=\tan x$. **C.** $y=\cot x$. **D.** $y=\cos x$.

Câu 8. Cho dãy số (u_n) với $u_n=2n-1$. Dãy số (u_n) là dãy số

A. Bị chặn dưới bởi 2. **B.** Bị chặn trên bởi 1. **C.** Giảm. **D.** Tăng.

Câu 9. Bảng sau ghi lại thời gian tự học (giờ/ngày) của 20 học sinh trong lớp 11C Trường THPT A:

Thời gian (giờ)	$[1;3)$	$[3;5)$	$[5;7)$
Số học sinh	5	10	5

Số trung bình của mẫu số liệu ghép nhóm trên là:

A. $4,5$. **B.** $3,5$. **C.** 5. **D.** 4.

Câu 10. Dãy số nào sau đây không phải là cấp số nhân?

A. $3;3^2;3^3;3^4;\ldots$ **B.** $\frac{1}{\pi};\frac{1}{\pi^2};\frac{1}{\pi^4};\frac{1}{\pi^6};\ldots$ **C.** $4;2;1;\frac{1}{2};\ldots$ **D.** $1;2;4;8;\ldots$

Câu 11. Cho cấp số cộng (u_n) thỏa mãn $u_1=4, u_2=1$. Công sai của cấp số cộng bằng

A. 3. **B.** 6. **C.** -3. **D.** -6.

Câu 12. Cho góc hình học $u\hat{O}v=45^\circ$. Số đo của các góc lượng giác (Ou,Ov) có tia đầu Ou và tia cuối Ov được xác định bởi công thức nào sau đây?

A. $45^\circ+k720^\circ(k\in\mathbb{Z})$. **B.** $45^\circ+k180^\circ(k\in\mathbb{Z})$.
C. $45^\circ+k360^\circ(k\in\mathbb{Z})$. **D.** $-45^\circ+k360^\circ(k\in\mathbb{Z})$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho dãy (u_n) là một cấp số nhân với số hạng đầu $u_1=2$ và công bội $q=3$.

a) Dãy số đã cho là dãy số giảm.

b) Tính $S_{10}=21570$.

c) Tìm $u_2=6$.

d) Tìm số hạng $u_8=4374$.

Câu 2. Cho hàm số $f(x)=-2\cos 2x+3$.

a) Giá trị lớn nhất của hàm số $f(x)$ bằng 5 và giá trị nhỏ nhất của hàm số $f(x)$ bằng 1.

b) Hàm số $f(x)$ là hàm số lẻ.

c) Tập xác định của hàm số là $D=R$.

d) Chu kỳ tuần hoàn của hàm số $f(x)$ là $T=\pi$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Biết tập giá trị của hàm số $y=2\cos 3x+1$ là $T=[a;b]$. Tính giá trị của biểu thức $5a-3b$.

Câu 2. Bảng sau thống kê tuổi thọ (năm) của 40 thiết bị điện tử:

Tuổi thọ (năm)	$[2;4)$	$[4;6)$	$[6;8)$
Số thiết bị	10	20	10

Tính trung vị M_e của mẫu số liệu ghép nhóm trên.

Câu 3. Biết $\cos x=-1$ (m là số thực). Tính giá trị của một biểu thức $P=3\cos^2 x+2$.

Câu 4. Cho dãy số (u_n) thỏa mãn $u_n=\frac{2n-1}{n+3}$. Tìm số hạng thứ 5 của dãy số đã cho (làm tròn đến hàng phần chục).

PHẦN IV. Tự luận. Thí sinh trình bày lời giải từ câu 1 đến câu 3.

Câu 1. Giải các phương trình sau:

a) $\sin x=\frac{1}{2}$. b) $\sqrt{2}\sin 2x=2\cos x$.

Câu 2. Một nhà thi đấu có 20 hàng ghế dành cho khán giả. Hàng thứ nhất có 20 ghế, hàng thứ hai có 21 ghế, hàng thứ ba có 22 ghế, ... Cứ như thế, số ghế ở hàng sau nhiều hơn số ghế ở hàng trước là 1 ghế. Trong một giải thi đấu, ban tổ chức đã bán được hết số vé phát ra và số tiền thu được từ bán vé là 70800000 đồng. Tính giá tiền của mỗi vé (đơn vị: đồng), biết số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu và các vé là đồng giá.

Câu 3. Cho góc lượng giác α thỏa mãn $\cos\alpha=\frac{3}{5}$ và $0<\alpha<\frac{\pi}{2}$. Tính $\sin 2\alpha;\cos 2\alpha$.

------ HẾT ------

TRƯỜNG THCS - THPT NGÔ MÂY

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2026-2027

MÔN TOÁN – LỚP 11

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.

+ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Phần III. Câu hỏi trả lời ngắn.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 Điểm)

MÃ ĐỀ 1101

PHẦN I												PHẦN II		PHẦN III			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	1	2	3	4
D	C	A	B	B	B	C	D	B	B	B	D	ĐSĐĐ	SĐSĐ	1.1	5	-14	5

MÃ ĐỀ 1102

PHẦN I												PHẦN II		PHẦN III			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	1	2	3	4
D	B	B	D	D	D	D	D	D	B	C	C	SSĐĐ	ĐSĐĐ	-14	5	5	1.1

MÃ ĐỀ 1103

PHẦN I												PHẦN II		PHẦN III			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	1	2	3	4
C	B	A	A	C	B	A	A	D	C	B	D	SĐSĐ	ĐSĐĐ	5	-14	1.1	5

MÃ ĐỀ 1104

PHẦN I												PHẦN II		PHẦN III			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	1	2	3	4
C	C	D	C	B	A	B	C	D	A	C	B	ĐĐĐS	SĐĐS	5	5	1.1	-14

Phần IV. Tự luận.

Mã đề: 1101 và 1102

Câu	Hướng dẫn giải	Điểm
Câu 1. Giải các phương trình sau: a) $\sin x = \frac{1}{2}$ b) $\sqrt{2}\sin 2x = 2\cos x$		

1	**Lời giải** **a)** $\sin x = \frac{1}{2} \Leftrightarrow \sin x = \sin\frac{\pi}{6}$ $\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ x = \pi - \frac{\pi}{6} + k2\pi \end{array}\right. \Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi \end{array}\right. (k \in \mathbb{Z})$.	0.25 0.25
	b) $\sqrt{2}sin2x = 2cosx$ **Lời giải** Ta có: $\sqrt{2}sin2x = 2cosx$ $\Leftrightarrow 2cosx\left(\sqrt{2}\sin x - 1\right) = 0$ $\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} \cos x = 0 \\ \sin x = \frac{1}{\sqrt{2}} \end{array}\right.$.(1) $(1) \Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x = \frac{\pi}{2} + k\pi \\ x = \frac{\pi}{4} + k2\pi \\ x = \frac{3\pi}{4} + k2\pi \end{array}\right.$, $(k \in \mathbb{Z}Z)$.	 0.25 0.25
Câu 2. Một nhà thi đấu có 20 hàng ghế dành cho khán giả. Hàng thứ nhất có 20 ghế, hàng thứ hai có 21 ghế, hàng thứ ba có 22 ghế, ... Cứ như thế, số ghế ở hàng sau nhiều hơn số ghế ở hàng trước là 1 ghế. Trong một giải thi đấu, ban tổ chức đã bán được hết số vé phát ra và số tiền thu được từ bán vé là 70800000 đồng. Tính giá tiền của mỗi vé (đơn vị: đồng), biết số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu và các vé là đồng giá.		
2	**Lời giải** Số ghế ở mỗi hàng lập thành một cấp số cộng có số hạng đầu $u_1 = 20$, công sai $d = 1$.	0.5
	Cấp số cộng này có 20 số hạng. Do đó, tổng số ghế trong nhà thi đấu là: $S_{20} = \frac{[2\cdot 20 + (20-1)\cdot 1]\cdot 20}{2} = 590$. Vì số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu nên số vé bán ra là 590 . Vậy giá tiền của một vé là: $70800000 : 590 = 120000$(đồng). .	0.5
Câu 3. Cho góc lượng giác α thỏa mãn $\cos\alpha = \frac{3}{5}$ và $0 < \alpha < \frac{\pi}{2}$. Tính $\sin 2\alpha$; $\cos 2\alpha$.		
3	**Lời giải** Vì $0 < \alpha < \frac{\pi}{2}$ nên $\sin\alpha > 0 \Rightarrow \sin\alpha = \sqrt{1 - \cos^2\alpha} = \sqrt{1 - \frac{9}{25}} = \frac{4}{5}$. $\sin 2\alpha = 2\sin\alpha\cos\alpha = 2 \cdot \frac{4}{5} \cdot \frac{3}{5} = \frac{24}{25}$.	0.5 0.25

	$\cos 2\alpha = 2\cos^2\alpha - 1 = 2\cdot\frac{9}{25} - 1 = -\frac{7}{25}.$	0.25

Mã đề: 1103 và 1104

Câu	Hướng dẫn giải	Điểm
Câu 1. Một nhà thi đấu có 20 hàng ghế dành cho khán giả. Hàng thứ nhất có 20 ghế, hàng thứ hai có 21 ghế, hàng thứ ba có 22 ghế, ... Cứ như thế, số ghế ở hàng sau nhiều hơn số ghế ở hàng trước là 1 ghế. Trong một giải thi đấu, ban tổ chức đã bán được hết số vé phát ra và số tiền thu được từ bán vé là 70800000 đồng. Tính giá tiền của mỗi vé (đơn vị: đồng), biết số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu và các vé là đồng giá.		
1	**Lời giải** Số ghế ở mỗi hàng lập thành một cấp số cộng có số hạng đầu $u_1 = 20$, công sai $d = 1$.	0.5
	Cấp số cộng này có 20 số hạng. Do đó, tổng số ghế trong nhà thi đấu là: $S_{20} = \frac{[2\cdot 20+(20-1)\cdot 1]\cdot 20}{2} = 590$. Vì số vé bán ra bằng số ghế dành cho khán giả của nhà thi đấu nên số vé bán ra là 590 . Vậy giá tiền của một vé là: $70800000 : 590 = 120000$(đồng). .	0.5
Câu 2. Giải các phương trình sau: a) $\sin x = \frac{1}{2}$ b) $\sqrt{2}\sin 2x = 2\cos x$		
2	**Lời giải** **a)** $\sin x = \frac{1}{2} \Leftrightarrow \sin x = \sin\frac{\pi}{6}$ $\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ x = \pi - \frac{\pi}{6} + k2\pi \end{array}\right. \Leftrightarrow \left[\begin{array}{l} x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi \end{array}\right. (k \in \mathbb{Z})$.	0.25 0.25
	b) $\sqrt{2}sin2x = 2cosx$ **Lời giải** Ta có: $\sqrt{2}sin2x = 2cosx$	0.25

	$\Leftrightarrow 2cosx\left(\sqrt{2}\sin x-1\right)=0$ $\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l}\cos x=0\\ \sin x=\dfrac{1}{\sqrt{2}}\end{array}\right.$ (1) $(1)\Leftrightarrow \left[\begin{array}{l}x=\frac{\pi}{2}+k\pi\\ x=\frac{\pi}{4}+k2\pi\\ x=\frac{3\pi}{4}+k2\pi\end{array}\right.,(k\in\mathbb{Z}Z).$	0.25
Câu 3. Cho góc lượng giác α thỏa mãn $\cos\alpha=\frac{3}{5}$ và $0<\alpha<\frac{\pi}{2}$. Tính $\sin2\alpha$; $\cos2\alpha$.		
3	**Lời giải** Vì $0<\alpha<\frac{\pi}{2}$ nên $\sin\alpha>0\Rightarrow\sin\alpha=\sqrt{1-\cos^2\alpha}=\sqrt{1-\frac{9}{25}}=\frac{4}{5}$. $\sin2\alpha=2\sin\alpha\cos\alpha=2\cdot\frac{4}{5}\cdot\frac{3}{5}=\frac{24}{25}$. $\cos2\alpha=2\cos^2\alpha-1=2\cdot\frac{9}{25}-1=-\frac{7}{25}$.	0.5 0.25 0.25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026-2027

MÔN TOÁN – LỚP 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng		
			TNKQ									Tự luận					
			Nhiều lựa chọn			*Đúng - Sai*			*Trả lời ngắn*								
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	**Hàm số LG và PTLG**	Giá trị lượng giác của góc lượng giác	I.1 I.2										IV.1		2		1
		Công thức lượng giác	I.4												1		
		Hàm số lượng giác	I.5 I.6	I.3		II1.a	II.1bc	II1.d		III. 1	III. 2				4	3	1
		Phương trình lượng giác											IV.2a	IV.2b		1	1
2	**Dãy số-CSC - CSN**	Dãy số	I.8	I.7						III. 3					1	2	
		Cấp số cộng		I.9										IV.3		1	
		Cấp số nhân		I.10		II2.a	II.2bc	II2.d							1	2	1
3	**Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của MSLGN**	Mẫu số liệu ghép nhóm	I.11												1		

		Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm		I.11							III. 4					1	1
Tổng số câu			8	5		2	4	2		2	2		2	2	10	10	5
Tổng số điểm			2,0	1,0		2,0			2,0			3,0					
Tỉ lệ %			30			20			20			30					

Xem thêm: **ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 11**
https://toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-11